TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 53/2023/HS-ST
Ngày 15 tháng 9 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mầu Văn Mùi

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Trần Xuân Ngọc và bà Nguyễn Thị Chuyên

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện T

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Phương - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2022/HS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 46/2023/HSST- QĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023, đối với:

Bị cáo: **Trần Văn M**, sinh ngày 01/10/2003; tên gọi khác: Không; nơi thường trú: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Sán Dìu; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Trần Văn T và bà Lưu Thị H; vợ, con: Chưa có; quá trình hoạt động của bản thân: Không; tiền án, tiền sự: Không; tại ngoại (có mặt).

Bị hại: Chị Trương Thị M1, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn Tr, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết quy luật sinh hoạt của gia đình chị Trương Thị M1 (hàng xóm liền kề) nên Trần Văn M nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô của gia đình chị M1. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 09/4/2023, M quan sát thấy vợ chồng chị M1 đi làm về và để 02 xe mô tô trong gian bếp nên M đi lên Đập L để chơi đồng thời chờ nhà chị M1 đi ngủ sẽ quay lại để trộm cắp. Đến 00 giờ ngày 10/4/2023, M về cổng nhà chị M1, dùng tay tắt át điện của nhà chị M1 rồi đi vào trong sân. M quan sát thấy gia đình chị M1 đã đi ngủ, M đi tiếp vào trong nhà chính để tìm chìa khóa bếp thì thấy cửa khép không khóa, M mở cửa đi vào trong nhà tìm được chìa khóa nhà bếp để ở kệ

ti vi. M cầm chìa khóa đi xuống mở khóa nhà bếp ra thấy xe mô tô BKS 88E1-290.89, nhãn hiệu Honda Wave vẫn cắm chìa khóa ở xe. M quan sát thấy nhà M chưa tắt điện, sợ bị bố mẹ phát hiện nên M chưa trộm cắp xe luôn mà đi ra cổng nhà M chờ đến khi nào nhà M tắt điện M mới vào trộm cắp xe mô tô của nhà chị M1. Đến 01 giờ ngày 10/4/2023, M thấy trong nhà M đã tắt điện, M đi vào gian bếp nhà chị M1 dắt chiếc xe mô tô BKS 88E1-290.89 đi thẳng ra cổng, rồi nổ máy đi xuống Quán game D ở TC, xã B, huyện B (anh Lương Văn D làm quản lý) để chơi điện tử và tìm địa điểm cầm cố chiếc xe lấy tiền tiêu sài. Tại đây, M quen biết với đối tượng tự khai là Hoàng Mạnh Hù, sinh năm 2006 (M không biết địa chỉ của H ở đâu). Theo M khai: M hỏi H biết địa điểm nào cầm cố xe không có giấy tờ không, sau đó M thấy H gọi điện cho ai đó rồi bảo lại M có chỗ cầm cố chiếc xe với giá 5.000.000đ, M đồng ý. Đến 7 giờ sáng cùng ngày, M đưa chìa khóa xe mô tô vừa trộm cắp được cho H để chở M cùng một nam thanh niên là bạn chơi điện tử cùng H (M không biết tên, tuổi, địa chỉ cùng người này) đi cầm cố xe. H chở M và bạn của H đến quán nước ven đường của bà Đào Thị T2, sinh năm 1968 ở tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, H bảo M cùng bạn của H ngồi đây uống nước chờ H về thay quần áo rồi quay ra để đi cầm cố xe, đồng thời H hỏi mượn chiếc xe mô tô BKS 88E1-290.89 mà M trộm cắp được để đi về nhà thay quần áo, M đồng ý. Sau khi H đi được khoảng 30 phút thì bạn của H nói với M đi vệ sinh rồi M không thấy bạn H quay lại nữa. M ngồi chờ H khoảng 01 tiếng sau nhưng cũng không thấy H quay lại, lúc này M biết đã bị H lừa và lấy đi chiếc xe mô tô BKS 88E1-290.89 mà M đã trộm cắp được của chị M1. Do không biết địa chỉ của H và chiếc xe H lừa lấy của M do M trộm cắp mà có nên M không đến trình báo Cơ quan Công an.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 406/KL-HĐĐG ngày 05/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện T kết luận: *Trị giá của tài sản là 9.000.000đồng*.

Tại Cáo trạng số: 51/CT-VKSTĐ ngày 25/8/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Trần Văn M về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn M phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự: Phạt bị cáo Trần Văn M từ 09 - 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 - 24 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/9/2023).

Bị cáo không bào chữa và tranh luận gì thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Văn M tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 10/4/2023, Bị cáo Trần Văn M đã lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của gia đình chị Trương Thị M1 ở thôn Làng Hà, xã H, huyện T. Trần Văn M có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô BKS 88E1-290.89, nhãn hiệu Honda Wave (trị giá 9.000.000đồng).

Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Văn M đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Nội dung điều luật qui định:

"1) Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...".

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm tù nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm ít nghiêm trọng.

Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo để răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xét thấy quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã bồi thường cho bị hại và bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng và có nơi cư trú rõ ràng, nên Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân tốt có ích cho gia đình, xã hội. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện

T tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 50.000.000đồng. Tuy nhiên xét thấy bị cáo có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Đối với Hoàng M H, theo bị cáo khai H là người đưa bị cáo đi tìm địa điểm để cầm cố chiếc xe mô tô BKS 88E1-290.89 mà bị cáo trộm cắp được, trên đường đi H mượn xe về thay quần áo. Sau đó, H đi luôn không quay lại. Tuy nhiên, do M không biết địa chỉ của H nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh, làm rõ hành vi chiếm đoạt tài sản là chiếc xe mô tô BKS 88E1-290.89 mà bị cáo M trộm cắp trong vụ án này nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ có căn cứ xử lý sau là phù hợp.

Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại đối với chiếc xe BKS 88E1-290.89 cho gia đình chị M1 với số tiền là 15.000.000đồng. Chị M1 đã nhận đủ tiền và không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn M phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt: Bị cáo Trần Văn M 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/9/2023).

- Giao bị cáo Trần Văn M cho Uỷ ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Bị cáo Trần Văn M phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã H, huyện T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Mầu Văn Mùi